

**TOÀ ÁN N DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY NAM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89/2023/HNGĐ-ST**  
Ngày: 25-7-2023  
V/v ly hôn

**N DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN N DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đinh Thị Kim Ngân

*Các Hội thẩm N dân:*

1. Ông Lê Kim Hùng
2. Ông Phạm Văn Nam

**- Thư ký phiên toà:** Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Toà án N dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án N dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Quách Văn N, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Bà Tăng Diệu L, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Xin vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn ông Quách Văn N trình bày:*

Ông và bà Tăng Diệu L do quen biết, tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1995. Đến năm 2003 ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/12/2003. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi đứa con thứ hai của ông bà được gần ba tuổi thì bà L có ý nguyện đi tu và thường xuyên đến chùa để nghe, tu học Phật pháp. Đến khoảng năm 2011, bà L chính thức xuất gia và chuyển đến sinh sống, tu tập tại chùa Thới Lai, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với bà L được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn.

Về con chung: Ông và bà L có hai con chung là Quách Gia Minh, sinh ngày 22/8/1996 và Quách Gia Kiện, sinh ngày 20/11/2004, hiện nay hai con đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà L không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn bà Tăng Diệu L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nhưng có gửi văn bản nêu ý kiến như sau:*

Vào năm 2003 bà và ông Quách Văn N tự tìm hiểu và tiến đến hôn N, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Mỹ. Thời gian đầu ông bà chung sống có hạnh phúc và có 02 con chung tên Quách Gia Minh, sinh ngày 22/8/1996 và Quách Gia Kiện sinh ngày 20/11/2004. Cách nay khoảng 12 năm bà xuất gia đi tu tại chùa Thới Lai, xã Hương Mỹ. Vì vậy bà và ông N không còn chung sống với nhau được nữa. Nay ông N xin ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung: Hiện nay hai người con chung đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông N không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hôn N và gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông N có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn N và gia đình, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Tăng Diệu L có nơi cư trú tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giả quyết vụ án, bị đơn bà Tăng Diệu L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Quách Văn N, Hội đồng xét xử nhận định: Ông N và bà L do quen biết tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn N, ông bà

tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 25/12/2003 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau một thời gian vợ chồng chung sống, giữa ông N và bà L không còn hạnh phúc. Nguyên nhân theo ông N xác định là do tư tưởng vợ chồng không còn phù hợp, bà L có ý nguyện đi tu. Do đó, khoảng năm 2011 bà L đã xuất gia đi tu tại chùa Thới Lai, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam. Tại bản tự khai ngày 26/6/2023, bà L cũng đồng ý ly hôn với ông N. Từ các cơ sở trên cho thấy, tình trạng hôn nhân của ông N và bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông N được ly hôn với bà L.

[5] Xét về con chung: Ông N và bà L có hai người con chung là Quách Gia Minh, sinh ngày 22/8/1996 và Quách Gia Kiện, sinh ngày 20/11/2004, hiện hai người con chung đã thành niên, đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân nên ông N và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Xét về tài sản chung: Ông N và bà L trình bày ông bà không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Xét về nợ chung: Ông N và bà L trình bày ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Nguyên đơn ông N có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điều 56 của Luật Hôn N và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Quách Văn N. Cụ thể:

Về hôn nhân: Ông Quách Văn N được ly hôn với bà Tăng Diệu L.

Về con chung: Ông N và bà L có hai người con chung là Quách Gia Minh, sinh ngày 22/8/1996 và Quách Gia Kiện, sinh ngày 20/11/2004, hiện hai con chung đã thành niên, đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân nên ông N và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông N và bà L trình bày ông bà không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông N và bà L trình bày ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông N có nghĩa vụ chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006655 ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Đinh Thị Kim Ngân**